

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TRƯỜNG MẦM NON 4**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/MN4
V/v Xây dựng QCCTNB năm 2025

Tân Bình, ngày 02 tháng 01 năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân quận Tân Bình;
 - Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Tân Bình.
 - Căn cứ Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận về phân bổ dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2025 cho các đơn vị Khối Giáo dục quận Tân Bình;
 - Căn cứ Công văn số 1344/TCKH ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Phòng Tài Chính- Kế hoạch quận Tân Bình Về việc xây dựng QCCTNB năm 2025.
- Trường Mầm non 4 đã họp hội đồng trường thông qua dự thảo Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025. Đính kèm dự thảo Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025.
- Nay Trường Mầm Non 4 gửi dự thảo Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025 cho Ủy ban nhân dân quận Tân Bình thông qua Phòng Tài chính-Kế hoạch xem xét ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KT.



Ngô Thị Hà

Số: /QĐ-MN4

Tân Bình, ngày tháng năm

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON 4

Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;;

Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17 tháng 04 năm 2024 Thông tư hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp;

Căn cứ Thông tư 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư 17/2024/TT-BTC ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên qua Kho bạc nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 về dự toán thu ngân sách nhà nước; thu, chi ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 về quy định chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/06/2023 của Quốc hội ;

Căn cứ Quyết định số 20/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Tân Bình Quyết định ban hành quy định đánh giá xếp loại chất lượng theo hiệu quả công việc đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại các cơ quan đơn vị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận về việc giao quyền tự chủ tài chính cho Trường Mầm non 4 giai đoạn 2023 đến 2025;

Căn cứ công văn số 1344/TCKH ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận về phân bổ dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2025 cho các đơn vị Khối Giáo dục quận Tân Bình;

Căn cứ biên bản họp Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động trường Mầm Non 4 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025 ngày 30 tháng 12 năm 2024;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này là “**Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025 của Trường Mầm Non 4**”.

Điều 2: Các Quy chế chi tiêu nội bộ trước đây có nội dung trái với nội dung của quy chế này đều bãi bỏ.

Điều 3: Toàn thể viên chức, người lao động của đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- Kho bạc Nhà nước;
- P.TC-KH;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG

Ngô Thị Hà

QUY CHẾ

Chi tiêu nội bộ năm 2025

(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-MN4 ngày tháng năm)

CHƯƠNG I

Điều 1: Những quy định chung

Quy chế chi tiêu nội bộ thực hiện theo cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm và được giao quyền tự chủ theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập được áp dụng tại trường Mầm Non 4 là đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo một phần chi thường xuyên. Mức tự đảm bảo chi thường xuyên 18.31% thuộc nhóm 3 (có mức tự đảm bảo từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên).

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế chi tiêu nội bộ điều chỉnh đối với nguồn kinh phí ngân sách nhà nước giao thực hiện chế độ tự chủ hàng năm bao gồm các nguồn tài chính quy định tại điểm a, điểm c khoản 1, khoản 2, khoản 3 (phần được để lại để chi thường xuyên phục vụ công tác thu phí) và khoản 5 Điều 15 Nghị định 60/2021/NĐ-CP và các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng cho đơn vị và toàn thể viên chức, người lao động của đơn vị.

Điều 2: Mục đích xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ

1. Thực hiện quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong việc tổ chức công việc, sắp xếp bộ máy, sử dụng lao động và nguồn lực tài chính để hoàn thành nhiệm vụ được giao; tăng nguồn thu nhằm từng bước cải thiện thu nhập cho viên chức, người lao động của Trường.

2. Tạo quyền chủ động trong quản lý và chi tiêu tài chính cho Hiệu trưởng giúp cán bộ, viên chức của trường hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Thúc đẩy việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng biên chế và kinh phí trong nhà trường; thực hiện chương trình hành động phòng chống tham nhũng tại các đơn vị hành chính sự nghiệp.

4. Là căn cứ để quản lý, thanh toán các khoản chi tiêu trong đơn vị; thực hiện kiểm soát chi của Kho bạc Nhà nước; cơ quan quản lý cấp trên; cơ quan tài chính và các cơ quan thanh tra, kiểm toán theo quy định.

5. Sử dụng nguồn tài chính của trường đúng mục đích, có hiệu quả.

6. Tạo công bằng trong đơn vị, khuyến khích tăng thu, tiết kiệm chi, thu hút và giữ được những người có năng lực trong đơn vị.

Điều 3: Nguyên tắc, nội dung xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ

1. Quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo trong hành lang pháp lý

Quy chế chi tiêu nội bộ do Thủ trưởng cơ quan ban hành sau khi tổ chức thảo luận rộng rãi dân chủ, công khai trong đơn vị và có ý kiến thống nhất của tổ chức Công đoàn đơn vị. Quy chế chính thức phải được thông qua tại Hội nghị cán bộ, viên chức của Trường.

2. Quy chế chi tiêu nội bộ được gửi đến Cơ quan tài chính để theo dõi, giám sát thực hiện đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch để làm căn cứ kiểm soát chi theo Thông tư 17/2024/TT-BTC.

3. Nội dung Quy chế chi tiêu nội bộ bao gồm các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức, mức chi thống nhất trong Trường, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao, sử dụng kinh phí tiết kiệm có hiệu quả, tăng cường công tác quản lý và phù hợp với hoạt động đặc thù của Trường.

4. Thủ trưởng được quyết định mức chi quản lý và chi nghiệp vụ cao hơn hoặc thấp hơn mức chi do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định (phù hợp với yêu cầu thực tế và khả năng tài chính hiện có của nhà trường đối với các nguồn thu sự nghiệp khác phát sinh tại trường).

5. Thủ trưởng căn cứ tính chất công việc, khối lượng công việc tình hình thực hiện của năm trước, quyết định phương thức khoán chi phí cho từng cá nhân, bộ phận như: sử dụng văn phòng phẩm, khoán điện thoại, khoán công tác phí nhằm tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn kinh phí của nhà trường.

6. Thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ, đơn vị, cá nhân phải bảo đảm có chứng từ, hoá đơn hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật, trừ các khoản thanh toán văn phòng phẩm, chi phí thuê mướn vận chuyển thanh toán công tác phí được Trường thực hiện chế độ khoán theo Quy chế chi tiêu nội bộ;

7. Không được dùng kinh phí của Trường để mua sắm thiết bị, đồ dùng, tài sản trang bị tại nhà riêng hoặc cho cá nhân mượn để sử dụng cho việc riêng dưới bất kỳ hình thức nào.

8. Trong trường hợp có sự thay đổi tiêu chuẩn, định mức chi theo chế độ từng khoản chi của nhà nước thì Thủ trưởng có thể điều chỉnh trên cơ sở kết luận của Hội nghị liên tịch.

9. Toàn bộ nguồn thu, nội dung chi, trường thống nhất quản lý và hạch toán theo quy định của Luật kế toán 88/2015/QH13 Ngày 20/11/2015 có hiệu lực 01/01/2017 và Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Kế toán áp dụng trong lĩnh vực Kế toán nhà nước; Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17 tháng 04 năm 2024 Thông tư hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Điều 4: Căn cứ để xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ

Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;;

Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17 tháng 04 năm 2024 Thông tư hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp;

Căn cứ Thông tư 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư 17/2024/TT-BTC ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên qua Kho bạc nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 về quy định chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/06/2023 của Quốc hội ;

Căn cứ Quyết định số 20/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Tân Bình Quyết định ban hành quy định đánh giá xếp loại chất lượng theo hiệu quả công việc đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại các cơ quan đơn vị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận về việc giao quyền tự chủ tài chính cho Trường Mầm non 4 giai đoạn 2023 đến 2025;

Căn cứ Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận về phân bổ dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2025 cho các đơn vị Khối Giáo dục quận Tân Bình;

Căn cứ biên bản họp Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động trường Mầm Non 4 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025 ngày 30 tháng 12 năm 2024;

CHƯƠNG II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

NGUỒN THU

Điều 5: Nguồn thu ngân sách Nhà nước cấp tự chủ

Kinh phí Ngân sách Nhà nước cấp chi hoạt động thường xuyên thực hiện nhiệm vụ hàng năm do cấp có thẩm quyền giao:

Ngân sách cấp:

a. Tồn năm 2024 chuyển sang: 459.973.562đồng

Trong đó:

- Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ: 0đồng

- Nguồn Cải cách tiền lương : 459.973.562đồng

+ 10% tiết kiệm chi thường xuyên: 0đồng

+ Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND: 459.973.562đồng

b. Nguồn kinh phí ngân sách cấp năm 2025: 6.103.431.000đồng

Trong đó:

- Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ: 3.614.327.000đồng
- Nguồn Cải cách tiền lương : 2.489.104.000đồng
- + Nguồn CCTL chi NQ08/2023/NQ-HĐND: 2.489.104.000đồng

Điều 6: Nguồn thu sự nghiệp (dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước)

I/ Về mức thu học phí theo Nghị Quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 07 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố (năm học 2024-2025): 174.240.000đ

- + Nhà trẻ: 20 cháu x 200.000đ/tháng x 9 tháng = 36.000.000đ
- + Mẫu giáo (Mầm + chồi): 55 cháu x 160.000đ/tháng x 9 tháng = 79.200.000đ
- + Mẫu giáo (Lá): 59.040.000đ (Ngân sách cấp)

II. Về các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị Quyết số 13/2024/NQ-HĐND (năm học 2024-2025):

A/ Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị Quyết số 13/2024/NQ-HĐND (Phụ lục 1): 444.005.000đ

- + Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú: 115 cháu x 296.000đ/tháng x 9 tháng = 306.360.000đ
- + Dịch vụ phục vụ ăn sáng: 80 cháu x 150.000đ/tháng x 9 tháng = 135.000.000đ
- + Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu: 115 cháu x 23.000đ/năm = 2.645.000đ

B/ Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác theo Nghị Quyết số 13/2024/NQ-HĐND (Phụ lục 2): 1.475.685.000đ

1/Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác:

- + Tiền tổ chức dạy lớp năng khiếu (Vẽ): 80 cháu x 80.000đ/tháng x 8 tháng = 51.100.000đ
- + Tiền tổ chức dạy lớp năng khiếu (Thể dục nhịp điệu): 80 cháu x 80.000đ/tháng x 8 tháng = 51.100.000đ
- + Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ: 80 cháu x 140.000đ/tháng x 8 tháng = 89.600.000đ

2/Các khoản thu cho cá nhân học sinh:

- + Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú: 115 cháu x 264.000đ/năm = 27.720.000đ
 - + Tiền học phẩm – học cụ- học liệu:
 - **Học phẩm:*** 115 cháu x 50.000đ/năm = 5.750.000đ
 - **Học cụ- học liệu:*** 115 cháu x 500.000đ/năm = 57.500.000đ
 - + Tiền suất ăn trưa bán trú: 115 cháu x 35.000đ/ngày x 22 ngày x 9 tháng = 796.950.000đ
 - + Tiền suất ăn sáng: 80 cháu x 19.000đ/ngày x 22 ngày x 9 tháng = 300.960.000đ
 - + Tiền nước uống: 115 cháu x 19.000đ/tháng x 9 tháng = 19.665.000đ
- 4. Các khoản thu khác:**
- + Thanh lý tài sản công: Từ 100.000 đồng – 2.000.000 đồng

+ Lãi tiền gửi ngân hàng: 10.000- 500.000đồng.

Mục 2

NỘI DUNG CHI

Điều 7: Nội dung chi thường xuyên giao tự chủ

1. Chi thường xuyên thực hiện nhiệm vụ được giao từ dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước: căn cứ khoản 2, điều 5 Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập: trường hợp cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được xác định theo quy định của pháp luật về giá hoặc mức bình quân chi phí hợp lý, hợp lệ thực hiện của 03 năm trước liền kề.

2. Chi từ nguồn dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước: căn cứ khoản 3, điều 6 Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập: Đơn vị sự nghiệp công được tự chủ quyết định các khoản chi để cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đảm bảo tính hợp lý, hợp lệ và phải quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ; phải tổ chức công tác kế toán theo đúng quy định của pháp luật về kế toán; mở sổ sách kế toán, sử dụng, quản lý chứng từ, tổ chức hạch toán, theo dõi riêng đảm bảo ghi nhận đầy đủ, chính xác doanh thu và phân bổ đầy đủ, chính xác chi phí đối với từng hoạt động; phải đăng ký, kê khai, nộp đủ thuế và các khoản thu ngân sách khác (nếu có) theo quy định của pháp luật; thực hiện chế độ Tự Kiểm tra Tài chính, kế toán đầy đủ, định kỳ; thực hiện chế độ báo cáo tài chính đúng, kịp thời với các cơ quan quản lý cấp trên và các cơ quan có liên quan theo quy định.

Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công chịu trách nhiệm về hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công, đất đai được Nhà nước giao quản lý, sử dụng; nguồn tài chính tại đơn vị theo quy định của pháp luật

Điều 8: Các nội dung thanh toán cá nhân

Mục 6000: Tiền lương : Từ 1.500.000.000đ -1.710.000.000đ

Trường đảm bảo mức lương cơ bản theo quy định hiện hành cho CC-VC-NLĐ:

Tiền lương = Hệ số lương x Mức lương cơ sở

Mục 6100 : Phụ cấp lương: Từ 838.000.000đ -870.000.000đ

- Phụ cấp chức vụ Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng, tổ trưởng, tổ phó thực hiện theo quy định Nhà nước: Hệ số * mức lương cơ sở: từ 33.000.000đ- 33.700.000đ

+ Hiệu trưởng: 0.35

+ Phó hiệu trưởng: 0.25

+ Tổ trưởng chuyên môn: 0,2

- Phụ cấp ưu đãi: Theo quy định của ngành: từ 535.000.000đ- 549.0000.000đ

(Giáo viên trực tiếp đứng lớp, Ban giám hiệu được phân công dạy: 35%)

- Phụ cấp vượt khung: Theo quy định từ 20.000.000đ- 22.5000.000đ

- Phụ cấp thâm niên nhà giáo: Theo quy định từ 220.000.000đ- 225.0000.000đ

+ Phụ trách kế toán: theo quy định. từ 2.808.000đ

+ Phụ cấp hướng dẫn tập sự (nếu có): theo quy định.

- Phụ cấp làm thêm giờ: theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDDT-BNV-BTC ngày 08/02/2013 và Bộ Luật lao động năm 2019

** Nhân viên (Kế toán + thủ quỹ): Theo quy định Bộ Luật lao động năm 2019: từ 30.000.000đ- 35.0000.000đ

- Phụ cấp khác: theo quy định.

Mục 6200 : Tiền Thưởng: Từ 16.000.000đ - 17.000.000đ

Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ban hành ngày 31/12/2023 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

- Chiến sĩ thi đua quận : 1 lần x ML cơ sở

- Lao động tiên tiến : 0,3 lần x ML cơ sở

Mục 6300 : Các khoản đóng góp: Từ 400.000.000đ-500.000.000đ

Theo quy định hiện hành.

Mục 6400 : Các khoản thanh toán khác cho cá nhân: 28.800.000đ

** Tết Nguyên đán(Theo quy định hiện hành): 16 người x 1.800.000đ

Điều 9: Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh: Từ 1.500.000.000đ- 2.489.104.000đ

a) Đối với đối tượng là viên chức:

Chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức theo quyết định công nhận kết quả đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức của nhà trường năm 2024 và được tính từng quý như sau:

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định về chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 về dự toán thu ngân sách nhà nước; thu, chi ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh năm 2025;

1. Đánh giá: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ:

Hệ số thu nhập tăng thêm là 1.5 lần tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ:

(Hệ số lương + Phụ cấp chức vụ + Phụ cấp thâm niên vượt khung) x 1.5 x MLCS

2. Đánh giá: Hoàn thành tốt nhiệm vụ:

Hệ số thu nhập tăng thêm là 80% của 1.5 lần tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ:

(Hệ số lương + Phụ cấp chức vụ + Phụ cấp thâm niên vượt khung) x 1.5 x 80% x MLCS

- Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn cải cách tiền lương của đơn vị.

b) Đối với đối tượng được chi thu nhập tăng thêm theo mức tiền cụ thể

- Đối với đối tượng là người được tuyển dụng vào làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập do Thủ trưởng đơn vị trực tiếp ký hợp đồng thực hiện công tác hỗ trợ, phục vụ theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP và Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ

- Về thực hiện đánh giá:

- Căn cứ Quyết định số 20/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Tân Bình Quyết định ban hành quy định đánh giá xếp loại chất lượng theo hiệu quả công việc đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại các cơ quan đơn vị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

- Về mức chi:

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định về chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người được tuyển dụng vào làm việc theo chế độ hợp đồng Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ được đánh giá **“Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”** được hưởng 9.000.000 đồng/quý.

- Người được tuyển dụng vào làm việc theo chế độ hợp đồng Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ được đánh giá **“Hoàn thành tốt nhiệm vụ”** được hưởng 7.200.000 đồng/quý.

Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn cải cách tiền lương của đơn vị.

Điều 10: Các nội dung chi hoạt động

Mục 6051 : Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng : Từ 15.000.000đ-100.000.000đ

Tiền công chế độ của nhân viên hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

Mục 6250 : Phúc lợi tập thể: Từ 1.000.000đ – 2.000.000đ

- Tiền thuốc chữa bệnh : 500.000 đồng - 1.000.000 đồng/năm.

- Tiền hoá chất VS phòng dịch bệnh: 500.000 đồng –1.000.000 đồng/năm

Mục 6500 : Thanh toán dịch vụ công cộng: 72.500.000đ -114.000.000đ

Tăng cường các biện pháp quản lý nhằm tiết kiệm điện ,nước thông qua các định mức cụ thể :

- Tiền điện : 50.000.000 đồng - 72.000.000 đồng/năm

- Tiền nước sinh hoạt : 20.000.000 đồng - 36.000.000 đồng/năm

- Tiền nhiên liệu xăng chạy máy PCCC: 500.000 đồng - 1.000.000 đồng/ năm

- Vệ sinh, môi trường: tiền đổ rác từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/năm

Mục 6550 : Vật tư văn phòng: 25.000.000đ - 40.000.000đ

- Văn phòng phẩm dùng cho hoạt động : 10.000.000 đồng/tháng đến 20.000.000 đồng/năm

- Dụng cụ Văn phòng khác : 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/năm

- Vật tư khác : 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/tháng

Mục 6600 : Thông tin tuyên truyền – liên lạc: 8.500.000đ - 15.000.000đ

- Điện thoại cố định (6601): từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng/năm/ 2 số cố định

- Thuê bao cáp truyền hình, cước phí internet, thuê đường truyền mạng (6605):

+ Cáp truyền hình từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng/năm

- + Cước phí internet, đường truyền: 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/năm
- Tuyên truyền, quảng cáo (6606):
- + Tuyên truyền giáo dục Pháp luật: từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng/năm
- + Thư viện, cổng thông tin điện tử: từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng/năm
- Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện (6608):
- + Ấn phẩm, sách, báo, tạp chí thư viện: từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng/năm.

Mục 6700: Công tác phí (khoản 500.000đồng/người /tháng): 12.000.000đ

- Theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi Hội nghị.

+ Viên chức thường xuyên đi công tác, giao dịch trong tháng được khoán tiền công tác phí 500.000 đồng/tháng để mua nhiên liệu và phí gửi xe, bao gồm: Kế toán, Văn thư.

Mục 6750 : Chi phí thuê mướn: 25.600.000đ-60.000.000đ

- Thuê phương tiện vận chuyển (6751): từ 500.000 đồng đến 3.000.000 đồng/năm
- Thuê lao động trong nước (6757): từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/năm
- Thuê đào tạo lại cán bộ (6758) theo yêu cầu tập huấn củaphòng giáo dục, Sở Tài chính và các cấp có thẩm quyền: từ 20.000.000đ- 30.000.000đ

- Chi phí thuê mướn khác (6799):

+ Thuê mướn nhân công theo từng lần phát sinh từ 100.000 đồng đến 1.000.000 đồng/lần: Từ 1.000.000đ- 7.000.000đ/năm

Mục 6900 : Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng (theo nhu cầu thực tế): 25.000.000đ -102.000.000đ

- Tài sản và thiết bị chuyên dùng (6905) từ mức 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/năm: sửa chữa, bảo trì tài sản sử dụng trong chuyên môn; bảo trì, nạp gas, nạp bột thiết bị phòng cháy chữa cháy; nạp gas, vệ sinh máy điều hòa...

- Nhà cửa (6907) từ mức 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng /năm

- Các thiết bị công nghệ thông tin (6912) từ mức 5.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng/năm: bảo trì vệ sinh máy tính, máy in định kỳ hàng quý; sửa chữa thay thế linh kiện hư hỏng phát sinh...

- Tài sản và thiết bị văn phòng (6913) từ mức 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/năm

- Đường điện, cấp thoát nước (6921) từ mức 5.000.000 đồng đến 10.200.000 đồng/năm

- Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác (6949) từ mức 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/năm

Mục 7000 : Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành: 6.000.000đ-36.327.000.000đ

Chi theo nhu cầu thực tế phục vụ cho các hoạt động nâng cao chuyên môn nghiệp vụ , giảng dạy và học tập của học sinh trên cơ sở các qui định hiện hành của nhà nước như :

- Mua hàng hoá, vật tư: từ 5.000.000 đồng đến 26.327.000 đồng/năm
- Sách, tài liệu chuyên môn: 1.000.000đ - 10.000.000 đồng/năm

- Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành: chi phí tổ chức, hỗ trợ phục vụ trong hoạt động chuyên môn, các hội thi, chương trình...tùy theo kế hoạch chuyên môn từ mức 500.000 đồng đến 5.000.000 đồng/năm: mua, in ấn, photo tài liệu, sách dùng cho chuyên môn.

Mục 7750 : Chi Khác: 1.000.000đ- 11.000.000đ

- Chi mua bảo hiểm tài sản và phương tiện: 500.000 đồng -10.000.000 đồng/năm

- Chi khác(mua cây xanh, phân bón...): từ 500.000 đồng - 1.000.000 đồng/năm

Điều 11: Nội dung chi từ nguồn thu sự nghiệp (dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước): Bổ sung

I. Chi từ nguồn thu học phí (theo dự toán thu – chi nguồn thu học phí NH 2024-2025):

+ Chi hoạt động : 174.240.000đ

➤ Chi các chế độ cho người lao động : 85.115.136đ

Trích đóng BHXH, BHYT, BNTN, KPCĐ cho người lao động làm việc theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ : 85.115.136đ

- Bảo vệ : 2 người x 5.185.200đ x 32% x 12 tháng = 39.822.336đ

- NVPV (nấu ăn) : 2 người x 4.960.00đ x 32% x 9 tháng = 38.092.800đ

- Tiền trợ cấp tết : theo quy định hiện hành.

** Tết Nguyên đán: 4 người x 1.800.000đ/ HĐ111/2022/NĐ-CP = 7.200.000đ

➤ Chi sửa chữa cơ sở vật chất, hoạt động : 85.640.064đ

Chi mua vật tư sửa chữa: điện, nước, tài sản...: 32.800.000đ

Chi bảo trì máy móc thiết bị: Thang máy, máy tính, máy pho to, tủ hấp, sấy...: 30.000.000đ

Chi sửa chữa máy giặt, máy hút khói, tủ hấp cơm...và các tài sản khác, trích khấu hao tài sản...: 22.840.064đ

➤ Thuế thu nhập doanh nghiệp (2%): 3.484.800 đ

II. Về các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị Quyết số 13/2024/NQ-HĐN (theo dự toán thu chi tại đơn vị năm học 2024-2025):

A/ Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị Quyết số 13/2024/NQ-HĐND (Phụ lục 1): 444.005.000đ

1. Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú: 306.360.000đ

➤ Chi thánh toán cho cá nhân : 228.600.000đ

Chi tiền công cho bộ phận bảo vệ + nhân viên phục vụ (nấu ăn): 4 người x 5.500.000 đồng x 9 tháng = 198.000.000đ

Chi tiền công cho nhân viên phục vụ: 1 người x 2.000.000 đồng x 9 tháng = 18.000.000đ

Chi hỗ trợ tiền công sửa chữa nhỏ tái sản, chăm sóc cây xanh: 300.000đ – 500.000đ/người/tháng (9 tháng): 9.000.000đ

Chi cho giáo viên các lớp mẫu giáo (hỗ trợ) theo số cháu thực tế đăng ký học : Số HS x 3.000-4.000 đồng/tháng: 2.560.000đ

Chi cho bảo vệ + NVPV (3 người 25.000 đồng / người/ tháng): 600.000đ.

➤Trích khấu hao tài sản: từ 10.000đ- 100.000đ

➤Thuế thu nhập doanh nghiệp (2%): 1.792.000đ

2.Các khoản thu cho cá nhân học sinh: 1.283.785.000đ

2.1. Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú: 27.720.000đ

➤Chi nghiệp vụ chuyên môn :

Chi mua sắm trang thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú trong 1 năm học đối với 1 học sinh : Nệm, gối, khăn mặt, kem đánh răng, dép, bát, tô, nồi, muống, ly...: 20.000.000đ

Chi mua thùng nhựa, rổ, chổi lau nhà, xô, đồ hút rác, đồ dùng vệ sinh...: 7.165.600đ

➤Thuế thu nhập doanh nghiệp 2%: 554.400đ

2.2.Tiền học phẩm học cụ - học liệu: 63.250.000đ

2.2.1 Học Phẩm: 5.750.000đ

➤Chi nghiệp vụ chuyên môn :

Chi mua giấy, bút chì, bút màu, màu nước,.....: 5.635.000đ

➤Thuế thu nhập doanh nghiệp 2%: 115.000đ

2.2.2 Học cụ - học liệu: 57.500.000đ

➤Chi nghiệp vụ chuyên môn :

Chi mua giấy các loại, Decal, giấy thủ công, mút bitit, kéo, keo, bìa các loại...các vật liệu làm dụng cụ học tập, bộ sách dùng cho HS, đồ chơi: 56.350.000đ

➤Thuế thu nhập doanh nghiệp 2%: 1.150.000đ

2.3.Tiền suất ăn trưa bán trú: 796.950.000đ

➤Mua thực phẩm : Gạo, đường, nước mắm, muối, sữa,gas và các thức phẩm khác.....: 781.011.000

➤Thuế thu nhập doanh nghiệp 2%: 15.939.000đ

2.4 Tiền suất ăn sáng: 300.960.000đ

➤ Mua thực phẩm : Gạo, đường, nước mắm, muối, sữa,gas và các thức phẩm khác.....: 294.940.800đ

➤Thuế thu nhập doanh nghiệp 2%: 6.019.200đ

2.5 Tiền nước uống: 19.665.000đ

➤ Mua nước đóng chai: 19.271.700đ

➤Thuế thu nhập doanh nghiệp 2%: 393.300đ5. Các khoản thu khác:

+ Chi từ nguồn thu Thanh lý tài sản công: Từ 500.000đồng – 5.000.000 đồng

+ Chi từ nguồn thu Lãi tiền gửi ngân hàng: Từ 100.000 đồng – 1.000.000 đồng

CHƯƠNG III

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG KINH PHÍ THẶNG DƯ

Điều 12: Phương án sử dụng kinh phí tiết kiệm:

Kết thúc năm tài chính, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi thường xuyên giao tự chủ, trích khấu hao tài sản cố định, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi hoạt động thường xuyên giao tự chủ (nếu có) được thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ, phần thặng dư còn lại đơn vị được tiến hành theo trình tự sau:

12.1 Trích lập nguồn cải cách tiền lương từ nguồn dịch vụ (bao gồm cả học phí) - Căn cứ theo Công văn số 8738/STC-HCSN ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Sở Tài chính hướng dẫn về việc trích lập tạo lập nguồn cải cách tiền lương từ nguồn học phí năm 2024:

+ Trích tối thiểu 40% số chênh lệch thu lớn hơn chi sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với nhà nước theo quy định.

12.2 Phần Thặng dư còn lại được phân bổ như sau:

12.2.1 Trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;

12.2.2. Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập và chi thu nhập tăng thêm;

12.2.3 Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi;

12.2.4. Trích lập Quỹ khác theo quy định của pháp luật;

Dự kiến số phân phối kết quả tài chính trong năm:

Thu (3.614.327.000đ - NS nguồn 13 + 174.000.000đ - học phí + 1.919.690.000đ - dịch vụ) – Chi (Từ 3.200.000.000đ - 3.500.000.000đ- NS nguồn 13 + 100.000.000đ – 150.000.000đ - học phí + 1.919.690.000đ - dịch vụ) = 138.327.000đ – 488.327.000đ

Dự kiến trích lập:

1. Trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 10%: (Từ 12.832.000đ -48.834.000đ).
2. Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập và chi thu nhập tăng thêm: 50% (trong đó: trích Quỹ bổ sung thu nhập 0.1%; Chi thu nhập tăng thêm: 49%): (Từ 69.164.000đ -244.163.000đ).
3. Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi: 40 % (trong đó: trích Quỹ khen thưởng 10 %, Quỹ Phúc lợi 30%): (Từ 55.330.000đ -195.330.000đ).

Điều 13: Sử dụng các quỹ

13.1 Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp

Để đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc; phát triển năng lực hoạt động sự nghiệp; chi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ; đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động trong đơn vị; mua bản quyền tác phẩm, chương trình; góp vốn liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước để tổ chức hoạt động dịch vụ sự nghiệp công theo chức năng, nhiệm vụ được giao và các khoản chi khác (nếu có);

- Hỗ trợ kinh phí cho CB, GV, NV tham gia các kế hoạch tập huấn, các lớp tập huấn nghiệp vụ của Sở giáo dục, Phòng GD, Phòng Tài chính, Sở Tài Chính: theo hóa đơn thực tế.

- Chi hỗ trợ từ 5% - 50% học phí học tập nâng cao trình độ tập huấn các lớp nghiệp vụ cho Công chức, viên chức và người lao động (theo đúng chuyên ngành công tác) theo văn bản chỉ đạo của cấp trên hoặc theo quyết định của Hiệu trưởng, theo biên lai thu học phí.

- Đầu tư, phát triển nâng cao hoạt động sự nghiệp, bổ sung vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc, chi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật Công nghệ, huấn luyện nâng cao tay nghề năng lực cho cán bộ: từ 1.000.000đồng – 5.000.000đồng.

- Chi tiết sửa chữa như sau:

+ Chi sửa chữa CSVC, máy tính, máy in, máy pho to, tủ sấy chén, các đồ dùng nhà bếp: từ 5.000.000 -10.000.000đồng

+ Chi sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, tài sản, công cụ dụng cụ, sửa chữa khác: từ 5.000.000 -10.000.000đồng

13.2 Quỹ bổ sung thu nhập và chi thu nhập tăng thêm

+ Quỹ bổ sung thu nhập

Để chi bổ sung thu nhập cho người lao động trong năm và dự phòng chi bổ sung thu nhập cho người lao động năm sau trong trường hợp nguồn thu nhập bị giảm. Việc chi bổ sung thu nhập cho người lao động trong đơn vị được thực hiện theo nguyên tắc gắn với số lượng, chất lượng và hiệu quả công tác.

+ Phương án chi thu nhập tăng thêm

Đối tượng được hưởng: Cán bộ, Giáo viên, nhân viên biên chế được UBND Quận phê duyệt trong chỉ tiêu biên chế giao trong năm.

Phương án sử dụng kinh phí tiết kiệm chi bổ sung thu nhập:

Xây dựng hệ số chi trả thu nhập tăng thêm khi có chênh lệch thu lớn hơn chi căn cứ vào:

+ Chức vụ và hệ số công việc tương ứng 12 tháng làm việc

+ Thời gian công tác (chuyển đến, chuyển đi, nghỉ hưu...)

Hệ số chức vụ:

STT	CHỨC VỤ	HỆ SỐ
1	Hiệu trưởng	0.3
2	Phó Hiệu trưởng + Kế toán	0.2
3	Chủ tịch công đoàn	0.15

Hệ số công việc: 1.0

- Thời điểm chi thu nhập tăng thêm: Cuối năm tài chính, sau khi cân đối nguồn kinh phí còn lại mới chi thu nhập tăng thêm.

13.3 Quỹ khen thưởng

1/ **Khen thưởng thi đua hàng tháng:** được căn cứ vào kết quả bình bầu xếp loại hàng tháng thông qua kết quả thi đua

Hoàn thành XSNV: Từ 30.000 – 50.000đ/người/tháng

Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Từ 10.000 – 30.000đ/người/tháng

Thời điểm khen thưởng: Cuối mỗi học kỳ năm học sau khi có Quyết định khen thưởng của Hiệu trưởng.

2/ Khen thưởng thi đua cả năm học: được căn cứ vào kết quả bình bầu xếp loại cả năm thông qua kết quả thi đua

Hoàn thành XSNV: Từ 200.000 – 300.000đ/người/năm

Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Từ 100.000 – 200.000đ/người/năm

+ Trường hợp nghỉ học sản không đủ thời gian xét thi đua thì được thưởng bằng với mức hoàn thành nhiệm vụ.

Thời điểm khen thưởng: Khen thưởng tại thời điểm kết thúc năm học

3/ Khen thưởng lao động tiên tiến: (Cho nhân viên hợp đồng theo Quyết định của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình)

Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ban hành ngày 31/12/2023 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

- Lao động tiên tiến : 0,3 lần x ML cơ sở

Thời điểm khen thưởng: Cuối mỗi năm học sau khi có Quyết định khen thưởng cấp trên.

4/ Khen thưởng đột xuất:

- Cá nhân Giáo viên, nhân viên, hoặc tổ nhóm trực tiếp đi thi đạt giải I,II,III, Khuyến khích và Công nhận các cuộc thi cấp cụm, cấp Quận cấp Thành phố trở lên :

Hạng 1: 500.000đ/người

Hạng 2: 300.000đ/người

Hạng 3: 200.000đ/người

- Khen thưởng kỷ niệm chương 20 năm vì sự nghiệp giáo dục: 200.000đ/người

- Khen thưởng cá nhân đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp Quận , giáo viên giỏi cấp Trường qua các hội thi (giải I, II, III , KK, giấy công nhận) mức khen :

Hạng 1: 500.000/người

Hạng 2: 300.000/người

Hạng 3: 200.000/người

Giấy công nhận: 100.000đ/người

13.4 Quỹ phúc lợi

1/ Chi cho đội ngũ Cán bộ - Giáo viên – Nhân viên (VC+HĐ):

1/ Hỗ trợ các ngày lễ: tết Dương lịch, mừng 10/3 âm lịch, 8/3, 30/4, 1/5, 2/9,: từ 100.000đ – 500.000đ/người/ngày lễ (tùy vào tình hình thực tế tại đơn vị):

+ Tết dương lịch: 17 người (VC) x 500.000đ/người; 4 người (HĐ 111/2022) x 200.000đ/người

+ Ngày quốc tế phụ nữ: 20 người x 200.000đ /người

+ Lễ giỗ tổ Hùng vương: 20 người x 200.000đ /người

+ Lễ 30/ và 1/5: 20 người x 200.000đ /người

+ Lễ 2/9 : 20 người x 200.000đ /người
+ Ngày phụ nữ Việt Nam : 20 người x 200.000đ /người
+ Ngày Nhà giáo việt Nam 20/11: Giáo viên (13 người) x 300.000đ/ người; BGH, NV và HĐ (9 người) x 400.000đ/người

2/ Hỗ trợ bảo vệ trực lễ, tết : 150.000đồng/người/ngày

3/Trang bị đồng phục từ 100.00đ – 500.000đ/người/năm (VC+HĐ)

4/ Khám sức khỏe tổng quát: 100.000 - 500.000đ/năm (VC+HĐ)

5/Tham quan hè: 100.000 - 2.000.000đồng/người(VC+HĐ), nếu không tham quan thì không được hưởng, trừ những trường hợp sau:

- * 01 Bảo vệ trực trường được hưởng 100% suất
- * Phải làm công tác do Hiệu trưởng phân công được hưởng 100% suất
- * Phải làm công tác do cấp trên điều động: Làm nhiệm vụ công tác, hội họp, học tập trong lúc trường tổ chức đi tham quan được hưởng 50% suất
- * Nữ đang mang thai (lần thứ 1, lần thứ 2) thì được hưởng 50% suất
- * Nữ đang nghỉ thai sản theo đúng chế độ (sinh con lần 1, lần 2) được hưởng 50 % suất
- * Đang học nâng chuẩn do Ngành, trường cử đi học được hưởng 50% suất
- * Gia đình có tang chế (tứ thân phụ mẫu, vợ, chồng, con ruột) , bản thân bị ốm nằm viện có giấy xuất viện của bệnh viện, nếu đã đăng kí tham quan được hưởng 50% suất .

Căn cứ tình hình thực tế nếu không tổ chức tham quan được do các yếu tố khách quan (Thiên tai, dịch bệnh, không đủ số người tối thiểu để tổ chức tham quan...): Hỗ trợ mỗi CB-GV-NV (kể cả hợp đồng trường) khoản tiền chia đều từ 100.000đ – 500.000đ

Hình thức thanh toán: chuyển trả vào tài khoản cá nhân những trường hợp trên

Điều 14: Quy định về việc lựa chọn ngân hàng thương mại:

1. Đơn vị mở tài khoản đối với các khoản thu từ hoạt động sự nghiệp, hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại ngân hàng: AgriBank.
2. Đơn vị mở tài khoản đối với các khoản chi từ hoạt động sự nghiệp, hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại ngân hàng Vietinbank.
3. Đơn vị mở tài khoản chuyên thu đối với học phí theo mức giá quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại ngân hàng: AgriBank và định kỳ nộp vào tài khoản tiền gửi của đơn vị mở tại Kho bạc Nhà nước để quản lý theo quy định.
4. Các khoản kinh phí thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, gồm: kinh phí ngân sách nhà nước cấp, các khoản thu phí theo pháp luật về phí, lệ phí và các khoản khác của ngân sách nhà nước (nếu có) đơn vị mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để quản lý NH VietinBank.
5. Đơn vị Tiền lương, tiền công và các khoản chi trả khác cho CB-GV-NV và người lao động tại ngân hàng Vietinbank.
6. Các Quỹ được trích lập theo quy định tại Nghị định này được gửi tiền tại: Kho bạc nhà nước quận tân Bình (Quỹ khen thưởng từ ngân sách nhà nước), NH VietinBank (Quỹ PTSN, KT, PL,BSTN và chi TNTT) .

Điều 15: Quy định việc xử lý vi phạm đối với các trường hợp khi sử dụng vượt mức

khoản; tiêu chuẩn, định mức quy định

Theo Quy định tại Mục 13 Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022: “*Quy định việc xử lý vi phạm đối với các trường hợp khi sử dụng vượt mức khoản; tiêu chuẩn, định mức quy định*”

Trường hợp vi phạm quy chế chi tiêu nội bộ được xử lý như sau:

1. Nếu vi phạm quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công có liên quan đến các lĩnh vực đã có quy định của Nhà nước thì phải xử lý theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Nếu vi phạm quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công ngoài vi phạm nêu trên thì tùy theo tính chất, mức độ để xử lý.

CHƯƠNG IV TRÁCH NHIỆM CỦA THỦ TRƯỞNG VÀ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Điều 16.

1. Thủ trưởng có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra hoạt động của các bộ phận trong việc thực hiện các chế độ về tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ đã được ban hành .

b) Quản lý điều hành mọi hoạt động thu chi về tài chính của nhà trường theo đúng quy định.

c) Phối hợp chặt chẽ với Công đoàn xem xét và giải quyết các quyền lợi liên quan đến công chức, viên chức, người lao động.

d) Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và trước pháp luật đối với các quyết định thực hiện quyền tự chủ về tài chính của đơn vị.

e) Bảo đảm chất lượng dịch vụ sự nghiệp công theo các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

f) Thực hiện quy định công khai; trách nhiệm giải trình hoạt động và số liệu thu, chi khi lập phương án tự chủ tài chính của đơn vị trước cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan kiểm toán, thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật. Định kỳ hằng năm, đơn vị có trách nhiệm báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị cho cơ quan quản lý cấp trên theo quy định.

2. Cán bộ, viên chức có trách nhiệm:

a) Cán bộ, viên chức đã thống nhất về những nội dung của quy chế chi tiêu nội bộ.

b) Cán bộ, viên chức thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ này theo quy định.

CHƯƠNG V TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Tổ chức thực hiện

+ Về nguồn thu dịch vụ: Trường tập trung khai thác nguồn thu trong phạm vi cho phép, giáo viên ở các lớp phối hợp cùng kế toán của trường nhắc nhở phụ huynh đóng các khoản tiền hàng tháng đầy đủ và kịp thời để phòng kế toán quyết toán đúng thời gian quy định;

+ Xây dựng định mức chi: Dựa vào tiêu chuẩn định mức của nhà nước quy định từ đó đơn vị thảo luận thống nhất xây dựng mức chi chưa có quy định của nhà nước theo tình hình thực tế và khả năng nguồn kinh phí của đơn vị.

Điều 18. Quy định điều khoản thi hành

Quy chế chi tiêu nội bộ này được nhất với Công đoàn Nhà trường và thảo luận rộng rãi công khai tại Hội nghị cán bộ, viên chức của Nhà trường và chính thức thông qua Hội đồng Trường trước khi ban hành.

Quy chế có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký quyết định ban hành, và được áp dụng từ ngày....; mọi quy định trước đây của trường trái với Quy chế chi tiêu nội bộ này đều bị bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần phải bổ sung sửa đổi để Quy chế chi tiêu nội bộ ngày một phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị.

Quy chế này được gửi đến cơ quan tài chính, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Kho bạc Nhà nước nơi Trường mở tài khoản, thông báo toàn trường theo quy định hiện hành./.

TRƯỜNG MẦM NON 4